

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-PT

Ngày 07-9-2023

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Thẩm phán:

Bà Tòng Thị Hiền;

Bà Đinh Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Kiều Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2023/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc Xin ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 138/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H. Sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng M. Sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi cục Thuế huyện M, tỉnh Sơn La; địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị H1; địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn Nông trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt)

+ Ông Lê Văn T; địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn M, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo :

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H; địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 15/12/2023, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:***

Bà H và ông Nguyễn Trọng M kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 12 năm 1996. Khi kết hôn hai bên đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình bà có mở quán ăn thì có khách hàng chụp ảnh với bà, sau đó khách hàng có gửi cho bà, con bà xem điện thoại thấy ảnh bà chụp với khách nên con bà đưa cho ông M xem từ đó ông M chửi bới, xúc phạm đe dọa bà, bà đã sống ly thân với ông M từ tháng 10/2022 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Trọng M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn M1, sinh ngày 18/7/1997 (26 tuổi), cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 18/02/2007 (16 tuổi).

Hiện nay cháu M1 đã trưởng thành không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự do đó, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nếu ly hôn nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K.

- Về tài sản chung:

+ 01 quán ăn tại tiểu khu B, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La được xây dựng trên diện tích đất 243,4 m² đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Trọng M và bà Phan Thị H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1 065203, CH 04444 được cấp theo quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 30/6/2017.

Nếu ly hôn bà đề nghị chia đôi ngôi nhà này.

+ 01 thửa đất tại tiểu khu C, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La có diện tích 327 m², GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Trọng M cấp ngày 29/9/2004, nguồn gốc đất là của ông M có được trước khi kết hôn với bà, trên đất không có nhà cửa gì.

Khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải nộp 12.400.000đ, bà nghĩ đây là tiền của hai vợ chồng cùng làm ra, bà không tranh chấp về đất nhưng

yêu cầu ông M trả cho bà % số tiền nộp để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 mảnh đất nhận chuyển nhượng lại của ông Trần Văn V, địa chỉ thửa đất: tiểu khu B, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La, diện tích đất này chưa được cấp GNQSĐĐ, hiện nay đã bán chỉ còn 5,5m chiều rộng, dài 18,5m. Mảnh đất này bà cũng đề nghị chia đôi mỗi người.

+ 01 mảnh đất mua lại của ông Vũ Ngọc L. Địa chỉ thửa đất: tiểu khu C, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La có diện tích là 1.815,8 m². Diện tích đất này chưa được cấp GCNQSĐĐ.

Mảnh đất này bà cũng đề nghị chia đôi mỗi người .

+ 01 xe xúc lật trị giá khoảng 200.000.000đ; 01 xe ô tô HOAMAI trị giá 160.000.000đ; 01 dây truyền máy gạch trị giá 250.000.000đ; 01 bộ bàn ghế Bách Xanh trị giá 250.000.000đ; 01 xe máy Dream nhãn hiệu HONDA và 01 xe list (xe ga); Tất cả tài sản vẫn đang sử dụng. Do không xác định được giá trị tài sản nên bà H đề nghị Tòa án định giá làm căn cứ phân chia.

- Về vay nợ chung: Nợ tiền với chi cục Thuế huyện M tiền nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 522.000.000đ. Chia đôi mỗi người chịu 1/2.

Nợ tiền xi măng của Công ty TNHH S, địa chỉ Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường M khoảng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Tiền cát của Công ty TNHH T1, địa chỉ tiểu khu A, thị trấn M khoảng 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với khoản nợ của Công ty TNHH S, địa chỉ Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường M khoảng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và Công ty TNHH T1, tiểu khu A, thị trấn M khoảng 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà H hoàn toàn không biết vì bà H chưa bao giờ đến lấy hàng, khát nợ, toàn do ông M giao dịch. Ngoài ra bà không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

**** Ý kiến trình bày của bị đơn ông M trình bày như sau:***

Ông nhất trí về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung, về tài sản chung, vay nợ chung ông M hoàn toàn nhất trí như lời khai của bà H.

Ông M có ý kiến, ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì đến mức phải ly hôn, mà nguyên nhân xin ly hôn là do bà H phải lòng với người đàn ông khác, từ đó lấy hết lý do này đến lý do khác đi khỏi nhà (ông M cung cấp hình ảnh của bà H với người đàn ông mà ông M cho rằng bà H đang có quan hệ ngoại tình). Mặc dù bà H có lỗi làm tuy nhiên ông M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông xin đoàn tụ gia đình.

Do ông không có nguyện vọng ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản cũng như các khoản nợ hiện đang nợ.

**** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ quan Chi cục Thuế huyện M có văn bản trình bày.***

Hộ gia đình ông Nguyễn Trọng M và bà Phan Thị H được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 98, 98a, tờ bản đồ 38, diện tích đất ở 150 m², diện tích đất trồng cây HNK 93,4 m² thuộc tiểu khu B, thị trấn Nông Trường M tại QĐ số 1410/QĐ- UBND ngày 30/6/2017. Được UBND huyện M cho phép ghi nợ tiền sử dụng đất tại QĐ số 255 ngày 14/02/2019, số tiền cho nợ là 522.000.000đ (Năm trăm, hai mươi hai triệu đồng). Thời hạn phải nộp tiền sử dụng đất được ghi nợ là ngày 13/02/2024.

**** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ quan bà Lê Thị H1 trình bày:***

Gia đình bà không có mối quan hệ gì với vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Trọng M. Bà là chủ cửa hàng V1 chuyên cung cấp xi măng cho vợ chồng ông M, bà H để đóng gạch. Từ thời điểm lấy xi măng đến ngày 15/3/2023 vợ chồng ông M, bà H còn nợ gia đình bà là 505.072.500đ (Năm trăm linh năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Hiện tại bà H, ông M giải quyết ly hôn tại Tòa án bà H1 có ý kiến. Đối với khoản nợ của vợ chồng ông M bà H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà, thời gian trả nợ sẽ do hai bên tự thỏa thuận, bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này. Trường hợp vợ chồng ông M, bà H không trả nợ cho bà thì bà sẽ khởi kiện sau. Bà H1 cung cấp cho Tòa án 01 biên bản đối chiếu khối lượng và công nợ ngày 15/3/2023.

**** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ quan ông Lê Văn T:***

Ông không có mối quan hệ họ hàng gì với vợ chồng bà Phan Thị H và ông Nguyễn Trọng M. Ông T là Giám đốc Công ty TNHH X và Thương mại, vợ chồng ông M bà H là khách hàng của Công ty. Đến nay bà H xin ly hôn với ông M, do Công ty chưa yêu cầu thanh toán nên Công ty không có ý kiến gì.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị H với ông Nguyễn Trọng M.

2. Do không giải quyết việc ly hôn nên con chung, tài sản chung, vay nợ chung không đề cập việc giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/7/2023 bà Phan Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của nguyên đơn bà Phan Thị H: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận ly hôn giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Trọng M và chia tài sản chung của vợ chồng.

Quan điểm của bị đơn ông Nguyễn Trọng M: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Phan Thị H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị H làm trong hạn luật định, thoả mãn về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Trọng M. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là xin ly hôn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H và ông Nguyễn Trọng M kết hôn tự nguyện, hôn nhân hợp pháp, vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1996. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận,

hạnh phúc, tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác nhận đến tháng 10/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình bà có mở quán ăn thì có khách hàng chụp ảnh với bà, sau đó khách hàng có gửi cho bà, con bà xem điện thoại thấy ảnh bà chụp với khách nên con bà đưa cho ông M. Bà H cho rằng từ khi xem được bức ảnh đó ông M nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên ông M luôn chửi bới, xúc phạm đe dọa bà. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được bằng chứng để chứng minh.

Xét thấy, bà H ông M chung sống hạnh phúc 27 năm, sinh được 02 người con, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận hai vợ chồng sống hạnh phúc, không có hành vi bạo lực gia đình, bản thân ông M là người hiền lành, chịu thương chịu khó làm ăn, lo cho cuộc sống gia đình, không mắc vào các tệ nạn xã hội. Các tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện trong thời gian mở quán ăn, bà H có lời lẽ không đúng mực với người đàn ông khác, mâu thuẫn gia đình là do bà H không nhận thấy sai lầm của mình để sửa chữa mà lại có thái độ gay gắt, kiên quyết muốn ly hôn và bà đã sống ly thân với ông M từ tháng 10/2022.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, ông M vẫn còn thương yêu bà H và sẵn sàng bỏ qua sai lầm của bà, hiện tại ông M và bà H cũng đã có tuổi, cuộc sống vợ chồng cùng 02 người con đã trải qua bao khó khăn vất vả mới có được hạnh phúc gia đình trên 27 năm. Như vậy, thực tế việc mâu thuẫn giữa ông M và bà H là có tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng, mâu thuẫn gia đình có thể hàn gắn được, cần tạo điều kiện để hai bên đương sự có thời gian cải thiện mối quan hệ của vợ chồng. Việc cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị H là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị H với ông Nguyễn Trọng M.

2. Do không giải quyết việc ly hôn nên con chung, tài sản chung, vay nợ chung không đề cập việc giải quyết.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003906 ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (07/9/2023).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan

Tòng Thị Hiền

Lại Thị Hiếu

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Đường sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV- THA
- Lưu hồ sơ

Lại Thị Hiếu

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Đường sự;
- Phòng KTNV- THA
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Văn Thanh

Tòng Thị Hiền

Lại Thị Hiếu

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Đường sự;
- Phòng KTNV- THA
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu